|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **BẮC NINH** |  **CHUYÊN ĐỀ ÔN TẬP** **KÌ THI TỐT NGHIỆP NĂM 2023** **Môn: Ngữ văn** |

 **CHUYÊN ĐỀ 6: CÁCH LÀM LUẬN ĐIỂM 1**

**Người biên soạn: Phan Thị Loan**

**Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Văn Cừ**

**I. Lí thuyết**

**1. Khái niệm về văn nghị luận**

Theo SGK Ngữ văn 11, tập 2:

“*Nghị luận là một thể loại văn học đặc biệt, dùng lý lẽ, phán đoán, chứng cớ để bàn luận về một vấn đề nào đó. Vấn đề nêu ra như một câu hỏi cần làm sáng tỏ. Luận là bàn về đúng, sai, phải, trái, khẳng định điều này, bác bỏ điều kia để người ta nhận ra chân lý, đồng tình với mình, chia sẻ quan điểm và niềm tin của mình. Sức mạnh của văn nghị luận là ở sự sâu sắc của tư tưởng, tình cảm, tính mạch lạc, chặt chẽ của suy nghĩ và trình bày, sự thuyết phục của lập luận. Vận dụng các thao tác giải thích phân tích, chứng minh, bác bỏ, so sánh”*

Như vậy có thể thấy Nghị luận văn học là dạng văn bàn về các vấn đề văn chương- nghệ thuật, sử dụng lý lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ hoặc phân tích cảm nhận những cái hay, đặc sắc, độc đáo về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học. Quá trình nghị luận văn học cũng cần đến sự kết hợp của thao tác lập luận như phân tích, bình luận, giải thích, chứng minh

**2. Vị trí của câu Nghị luận văn học trong bài thi Tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn:**

Câu nghị luận văn học (NLVH) là câu có nhiều điểm nhất trong toàn bộ đề thi (5 điểm/ 10 điểm). Do đó học sinh cần dành nhiều thời gian và kiến thức nhất để hoàn thành câu hỏi này.

Để bài thi đạt được điểm 8 trở lên thì câu NLVH, HS phải cầm chắc trong tay 4 điểm trở lên. Đạt được 4 điểm trở lên cho phần này, HS cần đảm bảo những **điều kiện/phương tiện** và tìm ra **cách thức/con đường**. Và một trong những điều kiện đó là làm tốt từ luận điểm 1.

**3. Vai trò của luận điểm 1 trong bài thi Tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn:**

**a. Vị trí của luận điểm 1**

- Theo đáp án chấm, thang điểm cho luận điểm 1 là 0.5 điểm. Tuy nhiên, vai trò của luận điểm 1 không chỉ là 0,5 điểm/ 5 điểm toàn bài mà còn cho thấy khả năng nắm chắc kiến thức cơ bản của học sinh. Những kiến thức về vị trí của tác giả, đặc điểm phong cách nghệ thuật, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm đều là những kiến thức nền tảng để sự cảm nhận, lí giải về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm có căn cứ và thuyết phục. Điều đó góp phần làm nên thành công chung của toàn bài.

**b. Những nội dung cần làm rõ**

- Trong luận điểm 1, học sinh cần trình bày hiểu biết của mình về những kiến thức liên quan đến tác giả tác phẩm, bao gồm:

+ Giới thiệu được vị trí văn học sử, đặc điểm trong phong cách nghệ thuật của tác giả đó.

+ Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, nêu được mạch cảm xúc (nếu là nghị luận về thơ) hoặc tóm tắt ngắn gọn nội dung (hoặc tình huống) nếu nghị luận về tác phẩm truyện.

-Tùy theo trình độ của học sinh mà nội dung triển khai cũng có sự phân hóa rõ. Với học sinh trung bình, khá, kiến thức đạt được ở phần này chỉ dừng ở mức độ khái quát. Những học sinh khá giỏi, để bài đạt 8 trở lên, cần lí giải sâu hơn và trích ra được những nhận định đánh giá xác đáng về tác giả hoặc tác phẩm. Với hoàn cảnh sáng tác, biết vận dụng phân tích hoàn cảnh để lí giải chủ đề.

**c. Những lỗi học sinh thường mắc phải**

- Thực tế chấm thi cho thấy, bên cạnh một số em làm tốt thì vẫn còn nhiều trường hợp giới thiệu quá vắn tắt, hời hợt nông cạn cho có, thậm chí có em bỏ qua phần này và đi ngay vào luận điểm phân tích. Nguyên nhân là do hoc sinh không nắm chắc kiến thức về tác giả, tác phẩm, không hiểu mối liên hệ giữa cảm hứng, chủ đề của tác phẩm với hoàn cảnh sáng tác và đặc điểm của phong cách nghệ thuật mỗi tác giả.

- Một số khác lại viết quá lan man, dài dòng, chiếm một lượng thời gian rất lớn, ảnh hưởng tới nội dung trọng tâm phần sau. Vậy GV khi ôn thi cần chú trọng hướng dẫn HS kĩ năng viết luận điểm 1.

**d. Một số kinh nghiệm hướng dẫn học sinh viết luận điểm 1**

- Với học sinh ở mức trung bình - khá (điểm từ 5 đến 7,5), Gv hướng dẫn học sinh khái quát được những nét cơ bản nhất:

 + Về tác giả: Vị trí văn học sử, đặc điểm cơ bản trong phong cách nghệ thuật.

 + Về tác phẩm: khái quát về hoàn cảnh sáng tác (năm, sự kiện liên quan), xuất xứ, cảm hứng chủ đạo, tóm tắt nội dung hoặc tình huống truyện.

-Với học sinh giỏi (điểm 8 trở lên):

+ Trích dẫn được nhận định tiêu biểu về tác giả (vị trí, đặc điểm phong cách)

+ Lí giải được sự tác động của hoàn cảnh sáng tác tới sự ra đời và chủ đề của tác phẩm.

**II. Bài tập:**

**1. Viết luận điểm 1 cho đối tượng học sinh đạt từ điểm 5 - dưới 8 (đối tượng học sinh trung bình – khá)**

**1.1 Tuyên ngôn độc lập**

Hồ Chí Minh là anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, nhà văn, nhà thơ lớn có quan điểm nghệ thuật tiến bộ: coi văn chương là vũ khí lợi hại phụng sự sự nghiệp cách mạng với phong cách nghệ thuật độc đáo, đa dạng, hấp dẫn. “Tuyên ngôn độc lập” được Bác viết vào thời điểmchiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Phát- xít Nhật, kẻ đang chiếm đóng nước ta lúc bấy giờ, đã đầu hàng Đồng minh. Trên toàn quốc, nhân dân ta vùng dậy giành chính quyền. Ngày 26 tháng 8 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu cách mạng Việt Bắc về tới Hà Nội. Tại căn nhà số 48 Hàng Ngang, Người soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, trước hàng vạn đồng bào, Người thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam mới.

 **1.2 Tây Tiến**

Quang Dũng là một hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng, mạn và tài hoa, đặc biệt khi viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài (Sơn Tây). Bài thơ “Tây Tiến” được sáng tác năm 1948 khi ông đã rời xa đơn vị.“Tây Tiến” là đơn vị bộ đội được thành lập năm 1947, giữa những ngày đầu vô cùng gian khổ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Lính Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội, trong đó có nhiều học sinh, sinh viên, trí thức trẻ. Đơn vị này hoạt động chủ yếu trên địa bàn núi rừng miền Tây Bắc Việt Nam sang tới Thượng Lào, có nhiệm vụ bảo vệ biên giới Việt - Lào và phối hợp với bộ đội Lào đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp. Sinh hoạt vô cùng thiếu thốn và gian khổ nhưng lính Tây Tiến vẫn phơi phới tinh thần lãng mạn anh hùng. Tác phẩm được in trong tập “Mây đầu ô”.

**1.3 Việt Bắc**

Tố Hữu là một trong những lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Các chặng đường thơ của ông gắn bó và phản ánh chân thật những chặng đường cách mạng đầy gian khổ hi sinh nhưng cũng nhiều thắng lợi vinh quang của dân tộc, đồng thời thể hiện sự vận động quan điểm tư tưởng và bản lĩnh nghệ thuật của nhà thơ. Thơ Tố Hữu là thơ trữ tình chính trị sâu sắc được thể hiện qua giọng thơ tự nhiên, tâm tình, ngọt ngào – giọng điệu của tình cảm thương mến; đậm đà tình dân tộc, nhất là nghệ thuật biểu hiện. Bài thơ “Việt Bắc” ra đời từ sự kiện tháng 10 năm 1954, những người kháng chiến từ căn cứ miền núi trở về miền xuôi, Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về lại thủ đô.Bài thơ có hai phần: phần đầu tái hiện những kỉ niệm cách mạng và kháng chiến; phần sau gợi viễn cảnh tươi sáng cảu đất nước và ngợi ca công ơn của Đảng, Bác Hồ đối với dân tộc. Đoạn trích thuộc phần đầu của bài thơ. Tác phẩm được in trong tập *Việt Bắc (1954).*

**1.4 Đất Nước**

Nguyễn Khoa Điềm là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ những năm chống Mĩ cứu nước có những đóng góp nổi bật trong thơ ca Việt Nam, ông đã đem đến cho thơ tiếng nói trữ tình của tuổi trẻ, nổi bật là sự tự ý thức của tuổi trẻ về vai trò, trách nhiệm của mình trong cuộc chiến đấu và sự nhận thức sâu sắc về đất nước, về nhân dân qua những trải nghiệm của chính mình. Thơ Nguyễn Khoa Điểm hấp dẫn bởi sự kêt hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức vể đất nước, con người Việt Nam. Trường ca *Mặt đường khát vọng* được tác giả hoàn thành ở chiến khu Trị - Thiên năm 1971, in lần đầu năm 1974, viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam về non sông đất nước, về sứ mệnh của thế hệ mình, xuống đường đấu tranh hòa nhịp với cuộc chiến đấu chống Mỹ xâm lược. Đoạn trích *Đất Nước* thuộc phần đầu chương V của trường ca, là một trong những đoạn thơ hay về đề tài đất nước trong thơ Việt Nam hiện đại

**1.5 Sóng**

Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì kháng chiến chống Mỹ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị đời thường. *Sóng* được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền, Thái Bình, là một trong những bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh. Bài thơ được in trong tập thơ *Hoa dọc chiến hào (1968)*

**1.6 Người lái đò Sông Đà**

Nguyễn Tuân là một trí thức có lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần dân tộc sâu sắc. Ở ông, có sự phát triển rất cao, rất sâu về ý thức cá nhân. Có thể nói, ông chính là một định nghĩa đầy đủ về người nghệ sĩ chân chính. Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân độc đáo, có thể thâu tóm trong chữ “ngông”, thể hiện sự tài hoa, uyên bác, khám phá đời sống và con người trên phương diện văn hóa – thẩm mĩ. Tùy bút *Người lái đò Sông Đà* in trong tập *Sông Đà (1960)* là kết quả của chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi của Tổ quốc, không chỉ để thỏa mãn niềm khao khát “xê dịch”, mà chủ yếu để tìm kiếm chất vàng của thiên nhiên cùng thứ vàng mười đã qua thử lửa ở tâm hồn con người lao động và chiến đấu trên miền núi sông hùng vĩ và thơ mộng đó. Qua đó, người đọc nhận ra diện mạo một Nguyễn Tuân mới mẻ, khao khát được hòa nhịp với đất nước và cuộc đời này.

**1.7 Ai đã đặt tên cho dòng sông?**

Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trong những nhà văn chuyên về bút kí. Nét đặc sắc trong sáng tác của ông là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và chất trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú về triết học, văn hóa, lịch sử, địa lí, Tất cả được thể hiện qua lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa. “*Ai đã đặt tên cho dòng sông?”* là bài bút kí xuất sắc, viết tại Huế, ngày 4 - 1- 1981, in trong tập sách cùng tên. Bài bút kí có 3 phần, văn bản trích từ phần thứ nhất.

**1.8 Vợ chồng A Phủ**

Tô Hoài là nhà văn lớn, có số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong văn học hiện đại Việt Nam. Sáng tác của ông thiên về sự thật đời thường *“Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc”.* Ông có vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc về phong tục, tập quán của nhiều vùng miền khác nhau trên đất nước ta. “*Vợ chồng A Phủ” (1952)* in trong tập *Truyện Tây Bắc,* kết quả chuyến đi dài 8 tháng vào năm 1952 của Tô Hoài cũng bộ đội về giải phóng Tây Bắc, được tặng giải Nhất – Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 – 1955. Sau hơn nửa thế kỉ, đến nay, tác phẩm vẫn giữ nguyên vẹn giá trị và sức thu hút đối với nhiều thế hệ người đọc.

**1.9 Vợ nhặt**

Kim Lân là cây bút chuyên viết truyện ngắn. Ông thường viết về nông thôn và người nông dân với những trang viết đặc sắc về phong tục và đời sống làng quê – những thú chơi và sinh hoạt văn hóa của cổ truyền của người lao động vùng đồng bằng Bắc Bộ, được gọi là những “thú đồng quê”, “phong lưu đồng ruộng”. Dù viết về đề tài nào, tác phẩm của Kim Lân vẫn thấp thoáng cuộc sống và con người làng quê Việt Nam nghèo khổ, thiếu thốn mà vẫn yêu đời; thật thà, chất phác mà thông minh, hóm hỉnh, tài hoa. *Vợ nhặt* là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân in trong tập *Con chó xấu xí (1962).* Tiền thân của truyện ngắn này là tiểu thuyết *Xóm ngụ cư* – được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám nhưng dang dở và thất lạc bản thảo. Sau hòa bình lập lại (1954), ông dựa vào một phần truyện cũ để viết truyện ngắn này.

**1.10 Chiếc thuyền ngoài xa**

Nguyễn Minh Châu được coi là một trong những nhà văn tiên phong của văn học Việt Nam thời kì đổi mới. Chặng đường sáng tác của ông gồm trước và sau năm 1975. Trước năm 1975, tác phẩm của Nguyễn Minh Châu theo khuynh hướng sử thi kết hợp với cảm hứng lãng mạn, thì sau năm 1975, ông tập trung khám phá hiện thực đời sống với những mối quan hệ phức tạp, đa chiều. Văn Nguyễn Minh Châu mang đậm phong cách tự sự - triết lí. Với ông, viết văn như một hành trình tìm kiếm hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người. Truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* được viết vào tháng 8 năm 1983, in trong *Nguyễn Minh Châu, Toàn tập (2001),* là tác phẩm in đậm phong cách tự sự - triết lí của Nguyễn Minh Châu. Với ngôn từ dung dị đời thường, truyện kể lại chuyến đi thực tế của một nghệ sĩ nhiếp ảnh và những chiêm nghiệm sâu sắc của ông về nghệ thuật và cuộc đời.

**1.11 Hồn Trương Ba, da hàng thịt**

Lưu Quang Vũ là nghệ sĩ đa tài. Trước khi đến với thể loại kịch nói, ông từng làm thơ, viết truyện ngắn, vẽ tranh. Trong lĩnh vực sân khấu kịch nói, Lưu Quang Vũ là một hiện tượng đặc biệt của sân khấu kịch trường những năm 80 của thế kỉ XX, là một trong những nhà viết kịch tài năng nhất của nền văn học hiện đại Việt Nam. *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (viết năm 1981 nhưng đến năm 1984 mới ra mắt công chúng) là một trong những vở kịch đặc sắc nhất của Lưu Quang Vũ, đã công diễn nhiều lần trên sân khấu trong và ngoài nước. Từ một cốt truyện dân gian cùng tên, Lưu Quanh Vũ đã xây dựng thành một vở kịch nói hiện đại, đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ, có ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân văn sâu sắc. Đoạn trích được thuộc cảnh VII và đoạn kết của vở kịch, là chặng mâu thuẫn, xung đột kịch phát triển cao trào và mở nút.

**2. Viết luận điểm 1 cho đối tượng học sinh giỏi (điểm trên 8) của một số tác phẩm trọng tâm:**

**2.1 Sóng**

Chế Lan Viên đã gọi những năm tháng chống Mĩ là những năm đất nước “*Chung một tâm hồn, chung một gương mặt*”. Lịch sử đã nghiêng mình vào trong trang viết làm nên một đội ngũ những nhà thơ, nhà văn trẻ như: Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Lâm Thị Mỹ Dạ…trong số đó nữ sĩ Xuân Quỳnh là một dòng chảy lạ. Cuộc đời chị được ví như “*cánh chuồn trong giông bão cứ chao đi chao lại mệt nhoài”* (Chu Văn Sơn) vì lắm đa đoan. Thơ ca Việt Nam từ thời Hồ Xuân Hương đến nay mới có một gương mặt nữ cá tính và nồng nàn đến thế. Chị sống bằng tình yêu, sống trong tình yêu và luôn khao khát giữ gìn hạnh phúc đời thường. Bởi thế thơ chị luôn là tiếng thơ của một trái tim khắc khoải, giàu lòng trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành đằm thắm và luôn da diết tìm kiếm hạnh phúc đời thường. “Sóng” là bài thơ tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh. Bài thơ được viết vào tháng 12/ 1967 tại Diêm Điền. Khi ấy cuộc kháng chiến chống Mĩ ở miền Nam đang diễn ra ác liệt nên “Sóng” được ví như “*bông hoa lạ nở dọc chiến hào*”. Lạ lẫm và đầy phá cách nhưng thi phẩm ngay từ đầu đã chiếm được cảm tình của độc giả bởi đó là sự bộc bạch rất chân thành của một người con gái. Mới 25 tuổi nhưng đã trải qua một lần đổ vỡ trong tình yêu khiến sự chia sẻ của nữ sĩ có sự chín chắn và chiêm nghiệm sâu sắc. Trái tim qua giông bão lại một lần nữa rung lên nhịp đập thổn thức, bồi hồi như những con sóng gối bờ rạo rực.

**2.2 Người lái đò Sông Đà**

*“Đừng làm thơ trong buồng rồi ghi tên một vùng đất lửa*”. Mỗi tác phẩm nghệ thuật chân chính muốn trở thành tiếng sáo thổi lòng thời đại thì người nghệ sĩ cần phải có những trải nghiệm về đời sống hiện thực. Ý thức sâu sắc được yêu cầu, sứ mệnh của văn chương, người nghệ sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp và cái thật là Nguyễn Tuân đã hơn trăm lần ngược xuôi Sông Đà để rồi tinh kết lại trong thiên tùy bút “Người lái đò sông Đà”. Tác phẩm không chỉ giúp ta nhận diện ra một Nguyễn Tuân độc đáo, luôn khát khao được hòa nhịp với đất nước và cuộc đời mà còn tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật tài hoa, uyên bác, khám phá đời sống và con người trên phương diện văn hóa – thẩm mĩ. Tác phẩm đượcin trong tập *Sông Đà (1960)*

**2.3 Ai đã đặt tên cho dòng sông?**

“*Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm, là sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư*” (Lê Ngọc Trà). Quê ở Quảng Trị nhưng gắn bó với mảnh đất cố đô, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã dành tình cảm sâu nặng cho xứ Huế. Nét đặc sắc trong sáng tác của ông là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và chất trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú về triết học, văn hóa, lịch sử, địa lí, Tất cả được thể hiện qua lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa. “*Ai đã đặt tên cho dòng sông?”* là bài bút kí xuất sắc, viết tại Huế, ngày 4 - 1- 1981, in trong tập sách cùng tên. Bài bút kí có 3 phần, văn bản trích từ phần thứ nhất.

**2.4 Vợ chồng A Phủ**

“*Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới*” (Mac- xen Prut). Đến với vùng đất Tây Bắc xa xôi, Tô Hoài - “*nhà văn phong tục”* không chỉ tìm thấy một đề tài mới mẻ, trở thành cây bút tiên phong khai hoang một mảng hiện thực bị bỏ quên giai đoạn trước cách mạng mà còn có những khám phá về cuộc sống và số phận của con người ở vùng cao Tây Bắc. Tác phẩm “Vợ chồng A Phủ” in trong tập “Truyện Tây Bắc” là sáng tác thành công nhất của ông về mảng hiện thực đó. Nhà văn từng tâm sự: *“Năm 1952, tôi theo bộ đội chủ lực, tiến quân vào miền Tây, tham dự chiến dịch giải phóng Tây Bắc… Cái kết quả lớn nhất và trước mắt của chuyến đi tám tháng ấy là đất nước và con người miền Tây đã để thương để nhớ cho tôi nhiều lắm. Tôi không thể nào quên*” (Tô Hoài). Nhân vật chính trong tác phẩm là Mị, một cô gái trẻ đẹp, hiếu thảo, lao động giỏi, tự tin và khao khát sống tự do. Từ khi về làm con dâu gạt nợ cho nhà thống lí, Mị trở thành một nô lệ bị đọa đày, áp bức, bóc lột về thể xác và bị đầu độc, áp chế về tinh thần. Vì bị tước hết mọi quyền sống nên Mị không còn ý niệm về thời gian, nhưng chính tiếng sáo và “những đêm tình mùa xuân” đánh thức sức sống tiềm tàng mãnh liệt và giấc mộng lứa đôi một thời Mị đã từng khao khát. Cô nhớ quá khứ, sống trong quá khứ, quên đi thực tại phũ phàng đầy cay đắng. Đoạn trích trên đã miêu tả xuất sắc diễn biến tâm lí của Mị trong đêm tình mùa xuân.

**2.5 Vợ nhặt**

“*Sống đã rồi hãy viết, hãy hòa vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân*” (Nam Cao). Kim lân chính là một cây bút như thế khi lần đầu tiên có một nhà văn dám “Xắn quần lội xuống bùn” để lắng nghe hơi thở của đất đai và tái hiện nó vô cùng chân thực qua những trang văn, ông cũng đánh giá là *mẫu nhà văn “Quý hồ tinh bất quý hồ đa”, viết kỹ lưỡng, viết từ gan ruột, không chấp nhận sự nhạt nhẽo, sự giả tạo trong văn học*” (Giảng văn Văn học Việt Nam). Những sáng tác của Kim Lân độc đáo đến kì lạ “*Tôi không tin rằng Nguyễn Tuân có thể viết Chữ người tử tù cũng như Kim Lân có thể viết được Làng và Vợ nhặt. Đó là thần viết, thần mượn tay người để viết nên những trang bất hủ*.” (Nguyễn Khải). Tiền thân của “Vợ nhặt” là tiểu thuyết Xóm ngụ cư được viết ngay sau Cách mạng thành công nhưng sau đó bị thất lạc. Dựa vào bản thảo còn sót lại, Kim Lân đã viết truyện ngắn “Vợ nhặt” in trong tập “Con chó xấu xí” xuất bản năm 1952. Truyện được xây dựng dựa trên một tình huống éo le và cảm động. Anh cu Tràng, một người dân ngụ cư, xấu xí, nghèo khổ lại có thể “nhặt” được vợ một cách ngẫu nhiên và quá dễ dàng, chỉ bằng mấy lời nói bông đùa “tầm phơ tầm phào” và bốn bát bánh đúc giữa lúc nạn đói khủng khiếp đang hoành hành. Ban đầu hắn cũng thấy chợn, nhưng sau cái tặc lưỡi, Tràng dẫn người vợ về trong tâm trạng vừa mừng vừa lo. Buổi tối hôm đó, hắn giới thiệu người vợ nhặt với mẹ. Bà cụ Tứ mẹ Tràng ban đầu ngạc nhiên, nhưng sau khi hiểu ra cơ sự thì cũng chấp nhận đón người con dâu cùng với những lời động viên an ủi

**2.6 Chiếc thuyền ngoài xa**

*“Mỗi con người đều chứa đựng trong lòng những nét đẹp đẽ kì diệu đến nỗi cả một đời người cũng chưa đủ để nhận thức khám phá tất cả những cái đó*. (Nguyễn Minh Châu). Với quan niệm sáng tác đó, suốt cả cuộc đời cầm bút của mình, Nguyễn Minh Châu luôn trăn trở về số phận con người về trách nhiệm của người cầm bút. Bằng tâm huyết và tài hoa, khát vọng sáng tạo chân chính và bản lĩnh nghệ thuật, ông đã có sự bứt phá ra khỏi vòng hào quang của chính mình trong văn học giai đoạn trước 75, trở thành bậc “khai quốc công thần” ra một triều đại văn học mới. Nếu trước năm 1975, tác phẩm của Nguyễn Minh Châu theo khuynh hướng sử thi kết hợp với cảm hứng lãng mạn, thì sau năm 1975, ông tập trung khám phá hiện thực đời sống với những mối quan hệ phức tạp, đa chiều. Văn Nguyễn Minh Châu mang đậm phong cách tự sự - triết lí. Truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* được viết vào tháng 8 năm 1983, in trong *Nguyễn Minh Châu, Toàn tập (2001),* là tác phẩm in đậm phong cách tự sự - triết lí của Nguyễn Minh Châu. Với ngôn từ dung dị đời thường, truyện kể lại chuyến đi thực tế của một nghệ sĩ nhiếp ảnh và những chiêm nghiệm sâu sắc của ông về nghệ thuật và cuộc đời.